

Bản án số: 86/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 26-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Liêng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

2. Ông Tô Văn Nhung

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2018/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đào Thị T, sinh năm 1980; thường trú: Xóm 2, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; tạm trú: Số 47/4, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Mạnh C, sinh năm 1975; thường trú: Xóm 2, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; tạm trú: Số 47/4, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng:

1. Chị Trần Thị Y, sinh năm 1980; thường trú: Số 47/4, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Anh Phạm Huỳnh Đ, sinh năm 1998; thường trú: Xóm 2, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; tạm trú: Số 173, phường S, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/01/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Phạm Mạnh C tự nguyện chung sống với nhau năm 1998, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định vào ngày 18 tháng 01 năm 1998 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03.

Sau kết hôn, vợ chồng chung sống tại số 47/4, khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C không chăm lo gia đình, không quan tâm vợ con, thường xuyên đi qua đêm không về, chị T khuyên nhủ dẫn đến vợ chồng cãi nhau, trong lúc cãi nhau anh C còn đánh chị T. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Mạnh C.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Phạm Huỳnh Đ, sinh ngày 06/8/1998 và Phạm Gia H, sinh ngày 28/9/2005, cháu Đ đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Gia H và tự nguyện không yêu cầu anh Phạm Mạnh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đối với bị đơn anh Phạm Mạnh C: Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 08/5/2018, 15/6/2018 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 09/7/2018, 26/7/2018 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An nhận định:

[1] Về điều kiện thụ lý: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 09/7/2018, 26/7/2018 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Đào Thị T và anh Phạm Mạnh C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định theo Giấy Chứng nhận kết hôn số 03 ngày 18/01/1998 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị Đào Thị T xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do C không chăm lo gia đình, không quan tâm vợ con, thường xuyên đi qua đêm không về, chị T khuyên nhủ dẫn đến vợ chồng cãi nhau, anh C đánh chị T. Căn cứ vào lời khai của người làm chứng chị Trần Thị Y là chủ nhà trọ nơi vợ chồng chị T thuê trọ xác định: Quá trình thuê trọ, anh C và chị T có xảy ra cãi nhau nhưng mâu thuẫn cụ thể chị Y không rõ. Căn cứ vào lời khai của cháu Phạm Huỳnh Đ là con chung của anh C và chị T xác định: Anh C thường xuyên đi qua đêm không về nhà, mỗi khi về nhà thì cãi nhau với chị T, đập phá đồ đạc, xúc phạm chị T và không quan tâm đến các con. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội phụ nữ phường D nhưng Hội phụ nữ không biết về các mâu thuẫn vợ chồng. Tòa án triệu tập anh C đến Tòa án để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh C không đến, điều đó chứng tỏ trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và cả hai không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị T là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Đối với cháu Phạm Huỳnh Đ, sinh ngày 06/8/1998 đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Gia H, sinh ngày 28/9/2005. Việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, cháu H từ trước đến nay sống cùng chị T do chị T chăm sóc, anh C không có ý kiến gì, hơn nữa cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Vì vậy, để bảo vệ quyền lợi của các con chưa thành niên trong trường hợp ly hôn, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng.

[5] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, đây là sự tự nguyện của chị T nên Tòa án ghi nhận.

[6] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Đào Thị T được ly hôn với anh Phạm Mạnh C (Giấy chứng nhận kết hôn số 03, ngày 18/01/1998 do Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định cấp).

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung tên Phạm Gia H, sinh ngày 28/9/2005 cho chị Đào Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, chị Đào Thị T và anh Phạm Mạnh C đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

2.2. Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đào Thị T không yêu cầu anh Phạm Mạnh C cấp dưỡng nuôi con.

3. Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đào Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019035 ngày 15/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã Dĩ An (01);
- CCTHA DS thị xã Dĩ An (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã G (01);
- Đương sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

Đỗ Thị Liễu

